

Thanh Thủy, ngày 01 tháng 12 năm 2022

Số: 112 /2022/ QĐST - HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án thụ lý số: 173/2022/TLST – HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2022, giữa:

Nguyên đơn: Anh Vũ Văn M - sinh năm 1985

Địa chỉ: Khu 1, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Bị đơn: Chị Bùi Thị V - sinh năm 1984

Địa chỉ: Khu 1, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83 - Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2022.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 24 tháng 11 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Anh Vũ Văn M và chị Bùi Thị V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về con chung:** Anh Vũ Văn M và chị Bùi Thị V có 01 con chung là cháu Vũ M Anh, Sinh ngày 04/9/2009.

Ly hôn hai bên thỏa thuận: Giao cháu Vũ M Anh – Sinh ngày 04/9/2009 cho chị V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Anh thành niên. Anh M

có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị V từng tháng, mỗi tháng 2.000.000đồng(hai triệu đồng) kể từ tháng 12/2022 đến khi cháu Anh thành niên.

Anh Vũ Văn M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung:** Tại biên bản tự nguyện thỏa thuận về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng ngày 14/11/2022, anh Vũ Văn M và chị Bùi Thị V đã tự nguyện thỏa thuận với nhau về tài sản chung và đề nghị Tòa án ghi nhận như sau:

***Giao cho anh Vũ Văn M trực tiếp sở hữu, sử dụng:**

+ 01 (một) ngôi nhà cấp IV diện tích là 60m² cùng các công trình phụ trên đất, được xây dựng năm 2010 trên thửa đất số 774, tờ bản đồ 78, tại khu 01, xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

+ 02 (hai) cái giường gỗ, 01(một) bộ bàn ghế gỗ, 01(một) tủ gỗ, 01(một) kệ ti vi và 01(một) ti vi 32inch hiệu Panasonic đã cũ;

*** Giao cho chị Bùi Thị V trực tiếp sở hữu, sử dụng:**

+01(một) con bò đực 01 năm tuổi.

+01 (một) Tủ nhôm, 01(một) tủ lạnh, 01(một) điều hòa đã cũ.

*Anh M có trách nhiệm thanh toán cho chị V tiền chênh lệch tài sản chung là 100.000.000đồng(Một trăm triệu đồng), thời hạn thanh toán kể từ ngày Quyết định có hiệu lực đến ngày 31/01/2023.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ Luật Dân sự năm 2015.

- **Về tài sản riêng:** Anh Vũ Văn M và chị Bùi Thị V đều thống nhất xác định: Thửa đất số 774, tờ bản đồ 78, có diện tích 951,3m², trong đó có 200 m² đất ở, 751,3 m² đất trồng cây lâu năm; tại Khu 01, xã Đào Xá, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, được UBND huyện Thanh Thủy cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CK070302 ngày 11/8/2017 mang tên anh Vũ Văn M là tài sản riêng của anh Vũ Văn M.

- **Về nợ chung, cho vay, công sức đóng góp:** anh M, chị V xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Anh Vũ Văn M tự nguyện nộp toàn bộ 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, anh M phải chịu 150.000đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Xác nhận anh M đã nộp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án

phí theo biên lai số AA/2020/0006092 ngày 11/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy. Nay chuyển thành án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 – Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a và 9 – Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 – Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đ-ơng sự
- VKS tỉnh + huyện
- Chi cục THADS huyện
- UBND xã Đ
- L- u HSVA.

Thẩm phán

Lương Viết Tú

